

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 323/2020/DS-PT
Ngày 29/12/2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung

Các Thẩm phán: Ông Ngô Văn Minh

Ông Đào Minh Đa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Song Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 363/2020/TLPT-DS ngày 13/11/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2020/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 319/2020/QĐPT-DS ngày 24 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị V, sinh năm 1962; địa chỉ: Ấp 1B, xã PH, huyện P, tỉnh Bình Dương. Bà V có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1966; địa chỉ: Ấp 1A, xã PH, huyện P, tỉnh Bình Dương; ủy quyền cho ông Huỳnh Nhật Vinh, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp TL, xã X, huyện XL, tỉnh Đồng Nai. (Theo Giấy ủy quyền, ngày 17 tháng 9 năm 2019). Ông Vinh có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Vũ Thị V trình bày:***

Bà cho bà Nguyễn Thị Kim N vay tiền nhiều lần, sau đó hai bên chốt lại tổng số tiền bà N vay là 167.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi bảy triệu đồng) bằng giấy mượn tiền ngày 20/7/2013. Bà N hẹn trong thời hạn 03 tháng thì bà N

sẽ trả tiền, nhưng đến nay đã quá thời hạn, bà N vẫn chưa thanh toán số tiền còn nợ. Nay, bà khởi kiện bà Nguyễn Thị Kim N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện P buộc bà Nguyễn Thị Kim N có trách nhiệm trả cho bà số tiền 167.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi bảy triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi suất. Ngày 06/12/2019, bà V có đơn khởi kiện bổ sung với yêu cầu tính lãi suất từ ngày 20/10/2013 đến ngày 20/10/2019 với lãi suất 0,75%/tháng, số tiền lãi là 90.180.000 đồng (Chín mươi triệu một trăm tám mươi nghìn đồng). Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện P buộc bà Nguyễn Thị Kim N có trách nhiệm trả cho bà tổng số tiền là 257.180.000 đồng, trong đó tiền gốc là 167.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi bảy triệu đồng) và tiền lãi là 90.180.000 đồng (Chín mươi triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).

Trong bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Huỳnh Nhật Vinh trình bày:

Bà Nguyễn Thị Kim N có vay tiền của bà Vũ Thị V nhiều lần. Tuy nhiên, bà N đã thanh toán hết số tiền còn nợ cho bà V và đã xé giấy mượn tiền, còn giấy mượn tiền hiện nay không phải giấy bà N mượn tiền và bà N cũng không rõ vì sao bà V lại có giấy mượn tiền này để khởi kiện. Do đó, bà Nguyễn Thị Kim N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện và khởi kiện bổ sung của bà Vũ Thị V.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2020/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị V đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N phải trả cho nguyên đơn bà Vũ Thị V số tiền nợ gốc là 167.000.000 đồng, tiền lãi là 90.180.000 đồng, tổng cộng là 257.180.000 đồng. Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí giám định, án phí, trách nhiệm chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử, ngày 10/7/2020, bà Nguyễn Thị Kim N là bị đơn có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Nội dung cho rằng: Bị đơn đã trả hết nợ cho nguyên đơn và thời hiệu khởi kiện đã hết, đề nghị xét xử lại phúc thẩm, hủy bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ngày 29/7/2020, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 14/2020/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị bản án sơ thẩm. Nội dung cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm không giải thích cho bị đơn biết về quyền yêu cầu áp dụng thời hiệu và đề nghị xét xử phúc thẩm, hủy bản án sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm không giải thích cho bị đơn biết về quyền yêu cầu áp dụng thời hiệu. Đơn khởi kiện của

nguyên đơn có đề cập đến giấy nợ của năm 2011, tòa án cấp sơ thẩm giám định giấy nợ này và căn cứ vào giấy nợ năm 2013 để giải quyết là không phù hợp; xử lý chi phí giám định cũng không đúng. Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ khoản 3, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Theo đơn khởi kiện ngày 12/3 và 06/12/2019, bà V khởi kiện bà N yêu cầu bà N trả lại 167.000.000 đồng tiền gốc và 90.180.000 đồng tiền lãi chậm trả từ ngày 20/10/2013 đến ngày 20/10/2019, tổng cộng 257.180.000 đồng, theo giấy mượn tiền ngày 20/7/2013.

[2] Về phần bà N cho rằng: Bà có vay tiền của bà V nhiều lần theo giấy mượn tiền ngày 20/7/2013 và bà đã thanh toán hết số tiền cho bà V. Do tin tưởng với nhau nên khi trả nợ không làm giấy giao nhận. Bà N không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà V.

[3] Thấy rằng: Theo giấy mượn tiền ngày 20/7/2013, có nội dung: Bà N có mượn của bà V số tiền 167.500.000 đồng, với thời hạn là 03 tháng sẽ trả lại và cam kết nếu sai sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật. Bà N cho rằng bà đã trả hết số tiền 167.500.000 đồng và tiền lãi cho bà V nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Bà V chỉ thừa nhận bà N có trả cho bà được 600.000 đồng tiền lãi nhưng không xác định được bà N trả tiền lãi vào thời gian nào, còn tiền gốc thì bà N chưa trả. Như vậy có căn cứ xác định số tiền gốc 167.500.000 đồng bà N chưa trả cho bà V. Theo đơn khởi kiện thì bà V chỉ yêu cầu bà N trả lại cho bà 167.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi 90.180.000 đồng. Giao dịch dân sự theo giấy mượn tiền là ngày 20/7/2013, với thời hạn là 03 tháng tức là đến hết ngày 20/10/2013, nhưng đến ngày 12/3/2019 bà V mới có đơn khởi kiện đến Tòa án là đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 427 Bộ luật Dân sự năm 2005. Theo hướng dẫn của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03 tháng 12 năm 2012 thì đối với yêu cầu khởi kiện của bà V đòi lại khoản tiền gốc thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện còn đối với yêu cầu đòi tiền lãi thì đã hết thời hiệu khởi kiện. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà N trả cho bà V số tiền gốc 167.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật các Điều: 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005. Việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà N trả cho bà V tiền lãi 90.180.000 đồng là không đúng. Yêu cầu kháng cáo của bà N là có cơ sở chấp nhận một phần.

[4] Quyết định kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không giải thích cho bị đơn quyền yêu cầu áp dụng thời hiệu để đòi trừ phần nghĩa vụ về tài sản và đề nghị hủy bản án sơ thẩm. Thấy rằng, Bộ luật Tố tụng dân sự không quy định trách nhiệm của Thẩm phán về việc phổ biến và giải thích cho đương sự quyền yêu cầu áp dụng thời hiệu

khởi kiện. Và để bảo đảm bình đẳng về quyền và nghĩa vụ giữa các đương sự, trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán không giải thích cho đương sự quyền yêu cầu áp dụng thời hiệu (Mục 3 phần IV Công văn 89/TANDTC-PC ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân tối cao). Ý kiến của Kiểm sát viên là không phù hợp.

[5] Án phí sơ thẩm, chi phí giám định, bà V và bà N phải chịu theo quy định pháp luật. Án phí phúc thẩm, các đương sự không phải chịu do sửa bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều: 147, 148, 161, khoản 2, Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 427, 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03 tháng 12 năm 2012

- Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ các Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 14/2020/QĐKNPT-VKS-DS ngày 29/7/2020 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim N. Sửa Bản án số 10/2020/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương, như sau: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị V đối với bà Nguyễn Thị Kim N về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Buộc bà Nguyễn Thị Kim N có nghĩa vụ trả nợ cho bà Vũ Thị V số tiền 167.000.000 đồng.

2. Về án phí, chi phí giám định:

- Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim N nộp 8.350.000 đồng. Bà Vũ Thị V nộp 4.509.000 đồng được trừ vào số tiền 4.187.500 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0026165 ngày 21 tháng 3 năm 2019 và 2.254.500 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0026737 ngày 06 tháng 12 năm 2019, Chi cục Thi hành án dân sự huyện P hoàn lại cho bà V 1.933.000 đồng.

Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim N không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự huyện P hoàn trả lại cho bà N 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0043440 ngày 21/7/2020.

Chi phí giám định: Bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu 3.000.000 đồng được trừ vào số tiền đã nộp.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Trung